



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM
THÀNH VIÊN HÃNG KIỂM TOÁN BKR INTERNATIONAL
Chuyên ngành Kiểm toán, Định giá, Tư vấn tài chính, kế toán, thuế

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

MỤC LỤC

NỘI DUNG

TRANG

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 05
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	06 - 07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	09
BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	10
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11 - 25



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Chúng tôi, các thành viên Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc Gia (gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc điều hành Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 và đến ngày lập Báo cáo này, gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Hải Dương	Chủ tịch
Ông Trần Việt Anh	Ủy viên
Ông Nguyễn Đình Thọ	Ủy viên

Ban Giám đốc

Bà Vũ Cẩm La Hương	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 04/5/2015, miễn nhiệm ngày 18/11/2015)
Ông Vũ Quang Vịnh	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 18/11/2015)
Ông Vũ Nhữ Thăng Long	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 03/8/2015)
Ông Nguyễn Lâm Tùng	Giám đốc chi nhánh

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31/12/2015, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán đang áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính này hay không; và
- Lập các Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi việc tiếp tục hoạt động của Công ty không được đảm bảo.
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các văn bản hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của công ty chứng khoán. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

(tiếp theo)

Thay mặt Ban Giám đốc,

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA



Vũ Quang Vịnh

Phó Tổng giám đốc

(Giấy ủy quyền số 02/2016/CT.HĐQT-UQ ngày 14/01/2016)

Hà Nội, ngày 16 tháng 01 năm 2016 .

Số : 39...-16/BC-TC/I-VAE

Hà Nội, ngày 22 tháng 02 năm 2016

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc Gia**

Chúng tôi, đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc gia (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 16 tháng 01 năm 2016, từ trang 06 đến trang 25, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các văn bản hướng dẫn kế toán áp dụng cho Công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của công ty chứng khoán và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ, tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các văn bản hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của công ty chứng khoán.



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

(tiếp theo)

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty CP Chứng khoán Quốc Gia cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính này tại ngày 26/3/2015.



Phạm Hùng Sơn

Phó Tổng giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0813-2013-034-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

Nguyễn Thị Hồng Vân

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0946-2013-034-1



Mẫu B 01 - CTCK

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	Đơn vị tính: VND 01/01/2015
A TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		156.752.070.542	198.176.017.721
I Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	151.321.386.518	194.206.128.632
1 Tiền	111		151.321.386.518	194.206.128.632
2 Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	17.823.994	20.536.738
1 Đầu tư ngắn hạn	121		30.822.184	32.617.684
2 Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn	129		(12.998.190)	(12.080.946)
III Các khoản phải thu ngắn hạn	130	V.11	3.855.034.330	3.508.387.694
1 Phải thu của khách hàng	131		-	-
2 Trả trước cho người bán	132		60.000.000	33.000.000
3 Phải thu nội bộ	133		-	-
4 Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135		3.795.034.330	2.983.394.707
5 Các khoản phải thu khác	138		-	491.992.987
6 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
IV Hàng tồn kho	140		-	-
V Tài sản ngắn hạn khác	150		1.557.825.700	440.964.657
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	473.399
5 Tài sản ngắn hạn khác	158	V.3	1.557.825.700	440.491.258
B TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		4.120.015.512	4.107.935.617
I Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II Tài sản cố định	220		1.222.923.855	1.636.856.433
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V.4	106.930.012	166.936.104
- Nguyên giá	222		163.282.240	1.128.670.106
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(56.352.228)	(961.734.002)
3 Tài sản cố định vô hình	227	V.5	1.115.993.843	1.469.920.329
- Nguyên giá	228		4.710.008.794	4.680.008.794
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.594.014.951)	(3.210.088.465)
III Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
V Tài sản dài hạn khác	260		2.897.091.657	2.471.079.184
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.6	149.740.466	161.831.815
3. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	263	V.7	2.619.850.841	2.181.747.019
4. Tài sản dài hạn khác	268		127.500.350	127.500.350
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		160.872.086.054	202.283.953.338

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 25 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

(tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			31/12/2015	01/01/2015
A NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		3.525.305.954	52.498.551.642
I Nợ ngắn hạn	310		3.525.305.954	52.498.551.642
2 Phải trả người bán	312		-	-
3 Người mua trả tiền trước	313		287.500.000	50.000.000
4 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.8	1.511.296.350	1.576.788.702
5 Phải trả người lao động	315		441.984.214	843.373.615
6 Chi phí phải trả	316	V.9	22.000.000	97.000.000
8 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	328	V.10	1.084.174.528	49.394.086.550
9 Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320	V.13	167.506.095	183.917.727
12 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		179.577	179.577
13 Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	328		10.665.190	353.205.471
II Nợ dài hạn	330		-	-
B VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		157.346.780.100	149.785.401.696
I Vốn chủ sở hữu	410	V.12	157.346.780.100	149.785.401.696
1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		170.000.000.000	170.000.000.000
7 Quỹ đầu tư phát triển	417		219.857.812	219.857.812
8 Quỹ dự phòng tài chính	418		528.621.659	528.621.659
10 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(13.401.699.371)	(20.963.077.775)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		160.872.086.054	202.283.953.338

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2015	01/01/2015
6. Chứng khoán lưu ký	266.409.797.000	178.523.541.800
6.1. Chứng khoán giao dịch	266.409.797.000	178.523.541.800
- Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	266.409.797.000	178.523.541.800
6.1. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	-	-
- Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	-	-
6.5. Chứng khoán chờ thanh toán	-	-
- Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	-	-
6.7. Chứng khoán chờ giao dịch	-	-
- Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	-	-

Hà Nội, ngày 16 tháng 01 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA

Người lập

Kế toán trưởng

Phó Tổng giám đốc


Phạm Hồng Thương


Phạm Thị Chiến


Vũ Quang Vịnh

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 25 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Đơn vị tính: VND
Năm 2015
Năm 2014

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
1 Doanh thu	01	V.15	25.753.185.737	23.797.870.536
<i>Trong đó:</i>				
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		5.787.511.289	5.969.366.664
Doanh thu hoạt động đầu tư CK, góp vốn	01.2		1.562.800	1.027.647
Doanh thu bảo lãnh phát hành CK	01.3		-	-
Doanh thu đại lý phát hành CK	01.4		-	-
Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		811.363.636	419.090.909
Doanh thu lưu ký CK	01.6		659.425.997	672.369.772
Doanh thu hoạt động ủy thác đầu giá	01.7		-	-
Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản	01.8		-	-
Doanh thu khác	01.9		18.493.322.015	16.736.015.544
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3 Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10=01-02)	10		25.753.185.737	23.797.870.536
4 Chi phí hoạt động kinh doanh	11	V.16	5.795.846.846	6.562.118.844
5 Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh (20=10-11)	20		19.957.338.891	17.235.751.692
6 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	V.19	10.256.494.783	8.673.416.350
7 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20 - 25}	30		9.700.844.108	8.562.335.342
8 Thu nhập khác	31		-	-
9 Chi phí khác	32		-	-
10 Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		-	-
11 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		9.700.844.108	8.562.335.342
12 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.17	2.139.465.704	843.188.781
13 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
14 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		7.561.378.404	7.719.146.561
15 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	V.18	445	454

Hà Nội, ngày 16 tháng 01 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA

Người lập

Kế toán trưởng

Phó Tổng giám đốc

Phạm Hồng Thương

Phạm Thị Chiến

Vũ Quang Vịnh



(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 25 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		9.700.844.108	8.562.335.342
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	02		499.530.978	595.425.419
- Các khoản dự phòng	03		917.244	(3.400.650)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(823.434.911)	(753.804.225)
- Chi phí lãi vay	06		-	86.222.223
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		9.377.857.419	8.484.778.109
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(784.750.458)	71.872.282.664
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(49.137.638.711)	(8.601.394.263)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		12.564.748	64.348.773
- Tiền lãi vay phải trả	13		-	(86.222.223)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(1.975.072.681)	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		(1.055.974.726)	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(43.563.014.409)	71.733.793.060
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(145.598.400)	(178.400.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		435.784	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		823.434.911	753.804.225
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		678.272.295	575.404.225
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	50.000.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	(50.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(42.884.742.114)	72.309.197.285
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		194.206.128.632	121.896.931.347
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	V.1	151.321.386.518	194.206.128.632

Hà Nội, ngày 16 tháng 01 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA

Người lập

Kế toán trưởng

Phạm Hồng Thương

Phạm Thị Chiển

Phó Tổng giám đốc

Vũ Quang Vịnh

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 25 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA

Địa chỉ: Số 34B Hàn Thuyên, Phạm Đình Hổ, Hai Bà Trưng, Hà Nội
Tel : (84-4) 3944 5474 Fax : (84-4) 3944 5475

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Mẫu số B05 - CTCK

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số dư đầu kỳ		Số tăng/ giảm				Số dư cuối kỳ			
		Năm 2015		Năm 2014		Giảm	Tăng	Giảm	Tăng		
		Tăng	5	Tăng	6					Tăng	3
		01/01/2015	2	01/01/2014	2			31/12/2015	7	31/12/2014	8
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		170.000.000.000		170.000.000.000	-	-	-	170.000.000.000	-	170.000.000.000	-
2. Thặng dư vốn cổ phần		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển		219.857.812		219.857.812	-	-	-	219.857.812	-	219.857.812	-
8. Quỹ dự phòng tài chính		528.621.659		528.621.659	-	-	-	528.621.659	-	528.621.659	-
9. Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-		-	-	-	-	-	-	-	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối		(20.963.077.775)		(28.682.224.336)	7.561.378.404	-	7.719.146.561	(13.401.699.371)	-	(20.963.077.775)	-
Cộng		149.785.401.696		142.066.255.135	7.561.378.404	-	7.719.146.561	157.346.780.100	-	149.785.401.696	-

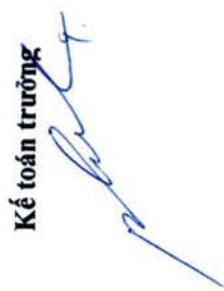
Hà Nội, ngày 16 tháng 01 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA

Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng

Người lập




Phạm Thị Chiến

Phạm Hồng Thương



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc Gia (gọi tắt là "Công ty") được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký Kinh doanh số 0103015005 ngày 11/12/2006 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Quyết định cấp giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 27/UBCK-GPHĐKD ngày 15/12/2006, Quyết định số 49/UBCK-GP ngày 05/03/2009, Quyết định số 196/UBCK-GCN ngày 05/03/2009, Quyết định 89/GPĐC-UBCK ngày 31/05/2012, Quyết định số 97/GPĐC-UBCK ngày 04/7/2012 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động Công ty chứng khoán số 29/GPĐC-UBCK ngày 17/06/2013 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước với số vốn điều lệ là 170.000.000.000 đồng. Ngày 17/06/2014 Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán cấp Giấy phép điều chỉnh số 14/GPĐC-UBCK về việc thay đổi người đại diện theo Pháp luật của Công ty.

Địa chỉ: Địa chỉ: Số 34B Hàn Thuyên, Phạm Đình Hồ, Hai Bà Trưng, Hà Nội
Tel : (84-4) 3944 5474 Fax : (84-4) 3944 5475

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh, tư vấn, môi giới chứng khoán.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Môi giới chứng khoán;
- Tư vấn tài chính và tư vấn đầu tư chứng khoán
- Lưu ký chứng khoán./.

4. Tổng số nhân viên đang làm việc cho Công ty tại ngày 31/12/2015 là 41 người

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND), hạch toán theo phương pháp giá gốc, phù hợp với các quy định của Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003 và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 01 – Chuẩn mực chung.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các chính sách kế toán áp dụng cho Công ty Chứng khoán được quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008 của Bộ Tài chính, Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

Áp dụng hướng dẫn kế toán

Ngày 06/11/2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC ("Thông tư 210") hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31/12/2011. Công ty đã áp dụng Thông tư 210 và trình bày các thuyết minh bổ sung về việc áp dụng này trong báo cáo tài chính cho kỳ năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 tại thuyết minh số VI.18.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

(tiếp theo)

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành áp dụng đối với Công ty chứng khoán.

3. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán: Nhật ký chung

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp, tiền gửi ngân hàng, tiền gửi của nhà đầu tư về đầu tư chứng khoán, được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003.

2. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

2.1 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

Loại tài sản

Thời gian khấu hao (năm)

Thiết bị dụng cụ quản lý

03 - 08

2.2 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm quản lý giao dịch và phần mềm kế toán.

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng TSCĐ vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định vô hình với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Loại tài sản

Thời gian khấu hao (năm)

Phần mềm máy tính

03 - 10

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn của Công ty bao gồm chứng khoán kinh doanh có thời hạn thu hồi dưới một năm, được ghi nhận theo giá gốc bắt đầu từ ngày đầu tư.

4. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh bao gồm: Chi phí thuê nhà, thuê văn phòng, chi phí dịch vụ trả trước, công cụ dụng cụ có giá trị lớn và các chi phí khác.

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Theo phương pháp đường thẳng, thời gian phân bổ tối đa là 3 năm.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

(tiếp theo)

5. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

6. Nguyên tắc ghi nhận nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

7. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ được xác định khi dịch vụ hoàn thành, đã có nghiệm thu, thanh lý, đã phát hành hoá đơn và được khách hàng chấp nhận thanh toán, phù hợp với 4 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác". Phần công việc đã hoàn thành của dịch vụ cung cấp được xác định theo phương pháp tỷ lệ hoàn thành.

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán được ghi nhận khi hoạt động mua và bán chứng khoán được thực hiện.

Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán được ghi nhận dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn của chứng khoán.

Doanh thu ứng trước tiền mua chứng khoán được xác định trên cơ sở số tiền ứng trước mua chứng khoán và lãi ứng trước tiền mua chứng khoán được quy định tại hợp đồng và phụ lục hợp đồng ứng trước tiền mua chứng khoán.

Doanh thu từ lãi tiền gửi tại các ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

8. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Việc ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành được thực hiện theo quy định của chuẩn mực kế toán Việt Nam số 17 - Thuế thu nhập doanh nghiệp.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tiền mặt	43.621.764	100.192.345
Tiền gửi ngân hàng	150.840.881.643	182.055.642.396
- Trong đó: Tiền gửi thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư	1.063.239.378	49.372.405.713
Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	436.883.111	12.050.293.891
Tổng cộng	151.321.386.518	194.206.128.632

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA

Địa chỉ: Số 34B Hàn Thuyên, Phạm Đình Hồ, Hai Bà Trưng, Hà Nội
Tel: (84-4) 3944 5474 Fax: (84-4) 3944 5475

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015
(tiếp theo)

Mẫu B09 - CTCK

2. Tình hình đầu tư tài chính ngắn hạn

Chỉ tiêu	Số lượng		Giá trị theo số kế toán		So với thị trường			Tổng giá trị theo giá thị trường		Ghi chú
	Đầu kỳ	Cuối kỳ	Đầu kỳ	Cuối kỳ	Tăng		Đầu kỳ	Cuối kỳ		
					Đầu kỳ	Cuối kỳ				
I. Chứng khoán thương mại			32.617.684	30.822.184	8.442.138	11.361.843	12.080.946	12.998.190	24.784.876	26.787.337
BHS	6	6	75.660	75.660	-	41.340	7.260	-	68.400	117.000
BMC	3	3	288.800	288.800	-	-	211.100	238.700	77.700	50.100
CJC (*)	90	90	2.398.500	2.398.500	-	-	-	-	-	-
CTN	11	11	143.040	143.040	-	-	80.340	116.365	62.700	26.675
DHA	9	9	299.700	299.700	-	-	176.400	114.300	123.300	185.400
DHI (*)	38	38	1.795.500	-	-	-	-	-	-	-
DRC	2	2	8.850	8.850	102.150	78.350	-	-	-	-
EBS	20	20	174.671	174.671	-	-	651	12.671	111.000	87.200
GMC	6	6	134.344	134.344	75.656	86.456	-	-	174.020	162.000
GTA	8	8	118.560	118.560	11.040	13.440	-	-	210.000	220.800
HAI	16	18	108.622	108.622	115.378	-	-	-	129.600	132.000
HAS	6	6	34.450	34.450	-	-	850	5.050	224.000	93.600
HAX	3	3	83.077	83.077	-	-	55.177	30.277	33.600	29.400
HBC	16	20	171.690	171.690	58.710	208.310	-	-	27.900	52.800
HNM	60	60	915.840	915.840	-	-	141.840	391.980	230.400	380.000
HPC	135	135	1.911.985	1.911.985	-	-	1.290.985	1.911.985	774.000	523.860
ITA	7	7	150.800	150.800	-	-	96.900	111.600	621.000	-
KDC	1	1	130.150	130.150	-	-	80.950	105.850	53.900	39.200
KHA	2	2	34.200	34.200	15.000	25.800	-	-	49.200	24.300
KHP	4	4	72.020	72.020	-	-	17.620	26.020	49.200	60.000
KLS	62	62	773.959	773.959	-	-	135.359	371.083	54.400	46.000
LAF	3	3	103.200	103.200	-	-	68.100	59.100	638.600	402.876
MHC	8	8	251.500	251.500	-	-	125.100	129.100	35.100	44.100
									126.400	122.400

Đơn vị tính: VND



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA

Địa chỉ: Số 34B Hàn Thuyên, Phạm Đình Hổ, Hai Bà Trưng, Hà Nội
Tel: (84-4) 3944 5474 Fax: (84-4) 3944 5475

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Mẫu B09 - CTCK

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015
(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

2. Tình hình đầu tư tài chính ngắn hạn

Chỉ tiêu	Số lượng		Giá trị theo sổ kế toán		Số với thị trường				Tổng giá trị theo giá thị trường		Ghi chú
	Đầu kỳ	Cuối kỳ	Đầu kỳ	Cuối kỳ	Tăng		Giảm		Đầu kỳ	Cuối kỳ	
					Đầu kỳ	Cuối kỳ	Đầu kỳ	Cuối kỳ			
PET	1	1	77.050	77.050	-	-	57.350	63.750	19.700	13.300	
POT	9	9	176.594	176.594	-	-	47.894	40.694	128.700	135.900	
PPC	7	7	322.148	322.148	-	-	137.348	194.048	184.800	128.100	
PPG	90	90	-	-	333.000	252.000	-	-	333.000	252.000	
PVT	2	2	56.833	56.833	-	-	30.233	36.433	26.600	20.400	
RAL	2	2	112.600	112.600	-	-	23.600	3.600	89.000	109.000	
REE	5	5	196.500	196.500	-	-	59.000	70.500	137.500	126.000	
RIC	6	6	103.264	103.264	1.136	-	-	40.864	104.400	62.400	
S55	96	192	1.926.144	1.926.144	5.445.312	4.996.800	-	-	7.371.456	6.922.944	
S99	76	76	595.371	595.371	240.629	-	-	-	836.000	445.056	
SAM	6	7	93.472	93.472	-	-	17.272	33.972	76.200	59.500	
SAP	45	45	806.431	806.431	-	-	131.431	311.431	675.000	495.000	
SD5	173	173	2.468.892	2.468.892	-	-	392.892	319.713	2.076.000	2.149.179	
SD7	41	41	2.214.000	2.214.000	-	-	1.742.500	1.827.042	471.500	386.958	
SD9	68	68	983.552	983.552	-	-	31.552	134.096	952.000	849.456	
SIC	72	72	1.518.264	1.518.264	-	-	1.035.864	834.264	482.400	684.000	
SJE	80	80	3.563.500	3.563.500	-	-	2.227.500	1.387.500	1.336.000	2.176.000	
STB	8	8	176.748	176.748	-	-	50.748	71.948	126.000	104.800	
STC	60	60	1.092.000	1.092.000	-	-	24.000	-	1.068.000	1.369.200	
TCR	6	6	68.094	68.094	-	-	31.494	32.694	36.600	35.400	
TMC	12	12	232.380	232.380	-	-	94.380	75.180	138.000	157.200	
TPH	12	12	-	-	86.400	187.200	-	-	86.400	187.200	
UNI	7	7	105.448	105.448	-	-	51.548	26.558	53.900	78.890	
VC2	77	77	1.751.040	1.751.040	-	-	603.740	865.617	1.147.300	885.423	
VCB	6	6	585.068	585.068	-	-	393.068	321.668	192.000	263.400	

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA

Địa chỉ: Số 34B Hàn Thuyên, Phạm Đình Hồ, Hai Bà Trưng, Hà Nội
Tel: (84-4) 3944 5474 Fax: (84-4) 3944 5475

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Mẫu B09 - CTCK

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015
(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

2. Tình hình đầu tư tài chính ngắn hạn

Chỉ tiêu	Số lượng		Giá trị theo số kế toán		Số với thị trường				Tổng giá trị theo giá thị trường		Ghi chú
	Đầu kỳ	Cuối kỳ	Đầu kỳ	Cuối kỳ	Tăng		Giảm		Đầu kỳ	Cuối kỳ	
					Đầu kỳ	Cuối kỳ	Đầu kỳ	Cuối kỳ			
VCS	70	70	-	-	1.890.000	5.088.720	-	-	1.890.000	5.088.720	
VIC	4	5	122.273	122.273	67.727	106.227	-	-	190.000	228.500	
VIP	1	1	19.588	19.588	-	-	7.188	10.088	12.400	9.500	
VSP	62	62	2.153.742	2.153.742	-	-	2.042.142	2.097.942	111.600	55.800	
VTS	62	62	917.570	917.570	-	-	359.570	409.170	558.000	508.400	
Tổng cộng	-	-	32.617.684	30.822.184	8.442.138	11.361.843	12.080.946	12.998.190	24.784.876	26.787.337	

Giá trị thị trường của các chứng khoán vốn niêm yết được xác định trên cơ sở tham khảo giá khớp lệnh đóng cửa tại ngày 31/12/2015.

Giá trị thị trường của các chứng khoán vốn chưa niêm yết được xác định trên cơ sở giá giao dịch bình quân trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) đối với các công ty đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết, hoặc giá bình quân trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp bởi tối thiểu 3 công ty chứng khoán, giá niêm yết trên các tạp chí đầu tư chứng khoán tại thời điểm 31/12/2015 đối với các công ty chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng.

(*) Mã CIC và DHI không có giá thị trường để tham chiếu do đã hủy niêm yết.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

(tiếp theo)

3. Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Tạm ứng	1.547.825.700	430.491.258
Phạm Thị Chiến	17.800.000	284.999.758
Nguyễn Thị Thúy Hằng	70.265.000	38.400.000
Nguyễn Thị Thanh Lan	1.449.760.700	18.400.000
Các đối tượng khác	10.000.000	88.691.500
Ký quỹ, ký cược	10.000.000	10.000.000
Công ty Cổ phần Mai Linh Đông Đô	10.000.000	10.000.000
Tổng cộng	1.557.825.700	440.491.258

4. Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Đơn vị tính: VND
		Tổng cộng
Nguyên giá tài sản cố định hữu hình		
Số dư 01/01/2015	1.128.670.106	1.128.670.106
Mua trong kỳ	55.598.400	55.598.400
Thanh lý	(1.020.986.266)	(1.020.986.266)
Số dư 31/12/2015	163.282.240	163.282.240
Giá trị đã hao mòn lũy kế		
Số dư 01/01/2015	961.734.002	961.734.002
Khấu hao trong năm	115.604.492	115.604.492
Giảm do thanh lý	(1.020.986.266)	(1.020.986.266)
Số dư 31/12/2015	56.352.228	56.352.228
Giá trị còn lại		
Tại ngày 01/01/2015	166.936.104	166.936.104
Tại ngày 31/12/2015	106.930.012	106.930.012

5. Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Phần mềm máy vi tính	Đơn vị tính: VND
		Tổng cộng
Nguyên giá tài sản cố định		
Số dư 01/01/2015	4.680.008.794	4.680.008.794
Mua trong năm	30.000.000	30.000.000
Số dư 31/12/2015	4.710.008.794	4.710.008.794
Giá trị đã hao mòn		
Số dư 01/01/2015	3.210.088.465	3.210.088.465
Khấu hao trong năm	383.926.486	383.926.486
Số dư 31/12/2015	3.594.014.951	3.594.014.951

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

(tiếp theo)

Giá trị còn lại

Tại ngày 01/01/2015

1.469.920.329

1.469.920.329

Tại ngày 31/12/2015

1.115.993.843

1.115.993.843

Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 150.000.000 VND

6. Chi phí trả trước dài hạn

31/12/2015

01/01/2015

VND

VND

Công cụ dụng cụ chờ phân bổ

149.740.466

161.831.815

Tổng cộng

149.740.466

161.831.815

7. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán

31/12/2015

01/01/2015

VND

VND

- Tiền nộp ban đầu

319.929.007

319.929.007

- Tiền nộp bổ sung

2.090.927.338

1.504.195.620

- Tiền lãi

208.994.496

357.622.392

Tổng cộng

2.619.850.841

2.181.747.019

8. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

31/12/2015

01/01/2015

VND

VND

Thuế GTGT đầu ra

27.231.509

62.945.434

Thuế thu nhập doanh nghiệp

1.007.581.804

843.188.781

Thuế thu nhập cá nhân

476.483.037

670.654.487

Tổng cộng

1.511.296.350

1.576.788.702

9. Chi phí phải trả

31/12/2015

01/01/2015

VND

VND

Chi phí thuê văn phòng

-

75.000.000

Thù lao HĐQT

22.000.000

22.000.000

Tổng cộng

22.000.000

97.000.000

10. Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác

31/12/2015

01/01/2015

VND

VND

Kinh phí công đoàn

217.148

217.148

Tiền gửi thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư

1.063.239.378

49.372.405.713

Phải trả, phải nộp khác

20.718.002

21.463.689

Tổng cộng

1.084.174.528

49.394.086.550

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA

Địa chỉ: Số 34B Hàn Thuyên, Phạm Đình Hổ, Hai Bà Trưng, Hà Nội
 Tel.: (84-4) 3944 5474 Fax: (84-4) 3944 5475

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Mẫu B09 - CTCK

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015
 (tiếp theo)

11. Các khoản phải thu ngắn hạn

Chỉ tiêu	01/01/2015		Phát sinh trong kỳ		31/12/2015		Đơn vị tính: VND
	Tổng số	Trong đó số quá hạn	Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó số quá hạn	
1. Phải thu của khách hàng	-	-	-	-	-	-	-
2. Phải thu hoạt động giao dịch CK	2.983.394.707	-	722.589.724.150	721.778.084.527	3.795.034.330	-	-
- Phải thu của TTGDCK	-	-	-	-	-	-	-
- Phải thu khách hàng về GDCK	43.645.436	-	4.472.754.243	4.452.739.112	63.660.567	-	-
- Phải thu khách hàng nhượng quyền nhận tiền bán chứng khoán	2.939.749.271	-	718.116.969.907	717.325.345.415	3.731.373.763	-	-
3. Phải thu khác	491.992.987	-	136.031.000	628.023.987	-	-	-
- Lãi từ hợp đồng tiền gửi, lãi cho vay	491.992.987	-	136.031.000	628.023.987	-	-	-
4. Trả trước cho người bán	33.000.000	-	248.859.040	221.859.040	60.000.000	-	-
Tổng cộng	3.508.387.694	-	722.974.614.190	722.627.967.554	3.855.034.330	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA

Địa chỉ: Số 34B Hàn Thuyên, Phạm Đình Hồ, Hai Bà Trưng, Hà Nội

Tel : (84-4) 3944 5474 Fax : (84-4) 3944 5475

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Mẫu B09 - CTCK

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNHCho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015
(tiếp theo)**12. Nguồn vốn chủ sở hữu****12.1. Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014					
Tại ngày 01/01/2014	170.000.000.000	219.857.812	528.621.659	(28.682.224.336)	142.066.255.135
Lợi nhuận sau thuế trong kỳ	-	-	-	7.719.146.561	7.719.146.561
Tại ngày 31/12/2014	170.000.000.000	219.857.812	528.621.659	(20.963.077.775)	149.785.401.696
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015					
Tại ngày 01/01/2015	170.000.000.000	219.857.812	528.621.659	(20.963.077.775)	149.785.401.696
Lợi nhuận sau thuế trong kỳ	-	-	-	7.561.378.404	7.561.378.404
Tại ngày 31/12/2015	170.000.000.000	219.857.812	528.621.659	(13.401.699.371)	157.346.780.100

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

(tiếp theo)

12.2. Cổ phiếu

	Năm 2015	Năm 2014
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	17.000.000	17.000.000
Số lượng cổ phiếu bán ra công chúng	17.000.000	17.000.000
Cổ phiếu phổ thông	17.000.000	17.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	17.000.000	17.000.000
Cổ phiếu phổ thông	17.000.000	17.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/ Cổ phiếu		

13. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Phải trả nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán	167.506.095	183.917.727
Tổng cộng	167.506.095	183.917.727

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

14. Doanh thu

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	5.787.511.289	5.969.366.664
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	1.562.800	1.027.647
Doanh thu hoạt động tư vấn	811.363.636	419.090.909
Doanh thu lưu ký chứng khoán	659.425.997	672.369.772
Doanh thu khác	18.493.322.015	16.736.015.544
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	821.872.111	926.446.745
Doanh thu phí nhận được từ hợp đồng hợp tác với VAB	-	13.980.176.249
Doanh thu dịch vụ nhượng quyền nhận tiền bán	1.011.360.233	1.581.882.605
Lãi từ quỹ hỗ trợ thanh toán	144.955.716	132.599.312
Doanh thu khác	16.515.133.955	114.910.633
Tổng cộng	25.753.185.737	23.797.870.536

15. Chi phí hoạt động kinh doanh

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Chi phí hoạt động môi giới chứng khoán	2.242.368.824	3.286.979.779
Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	16.856.513	50.674.522
Chi phí hoạt động tư vấn	88.108.092	81.318.150
Chi phí lưu ký chứng khoán	63.111.983	530.767.114
Chi phí dự phòng	917.244	-
Chi phí hoạt động kinh doanh khác	3.384.484.190	2.612.379.279
Tổng cộng	5.795.846.846	6.562.118.844

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

(tiếp theo)

16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Doanh thu chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	25.753.185.737	23.797.870.536
Chi phí tính thuế thu nhập doanh nghiệp	16.028.341.629	15.235.535.194
Thu nhập chịu thuế	9.724.844.108	8.562.335.342
Thu nhập được miễn thuế	-	-
Các khoản lỗ được kết chuyển	-	(4.729.659.067)
Thu nhập tính thuế	9.724.844.108	3.832.676.275
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	22%	22%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	2.139.465.704	843.188.781

18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	7.561.378.404	7.719.146.561
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	7.561.378.404	7.719.146.561
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	17.000.000	17.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	445	454

18. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc chủ sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ trừ đi lỗ lũy kế).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính trình bày tại Thuyết minh số IV.

Các loại Công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	151.321.386.518	194.206.128.632
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	17.823.994	20.536.738
Phải thu khách hàng và phải thu khác	3.795.034.330	3.475.387.694
Tổng cộng	155.134.244.842	197.702.053.064

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

(tiếp theo)

Công nợ tài chính

Phải trả người bán và phải trả khác	1.251.680.623	49.578.004.277
Chi phí phải trả	22.000.000	97.000.000
Tổng cộng	1.273.680.623	49.675.004.277

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày 31/12/2015 do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua công cụ tài chính.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không chịu rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản vay gốc. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày càng sớm nhất mà Công ty phải trả.

31/12/2015	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng cộng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	1.251.680.623	-	1.251.680.623
Chi phí phải trả	22.000.000	-	22.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

(tiếp theo)

01/01/2015	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng cộng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	49.578.004.277	-	49.578.004.277
Chi phí phải trả	97.000.000	-	97.000.000

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Nhưng Ban giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2015	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	151.321.386.518	-	151.321.386.518
Các khoản đầu tư tài chính	17.823.994	-	17.823.994
Phải thu khách hàng và phải thu khác	3.795.034.330	-	3.795.034.330

01/01/2015	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	194.206.128.632	-	194.206.128.632
Các khoản đầu tư tài chính	20.536.738	-	20.536.738
Phải thu khách hàng và phải thu khác	3.475.387.694	-	3.475.387.694

19. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Chi phí nhân viên quản lý	5.493.408.670	4.401.453.277
Chi phí đồ dùng văn phòng	721.859.179	202.894.708
Chi phí khấu hao TSCĐ	455.178.170	595.425.419
Thuế, phí và lệ phí	546.087.906	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.421.520.079	2.253.281.880
Chi phí bằng tiền khác	618.440.779	1.220.361.066
Tổng cộng	10.256.494.783	8.673.416.350

VII. Những thông tin khác

1. Thông tin về các bên liên quan

Thu nhập Ban giám đốc được hưởng trong kỳ	Năm 2015 VND
Lương	1.270.922.905
Thù lao Hội đồng quản trị	264.000.000
Tổng cộng	1.534.922.905

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

(tiếp theo)

2. Thông tin so sánh

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính năm 2014 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc Gia đã được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam nay đổi tên là Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam.

Hà Nội, ngày 16 tháng 01 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA

Người lập

Kế toán trưởng

Phó Tổng giám đốc

Phạm Hồng Thương

Phạm Thị Chiến

Vũ Quang Vịnh